



TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN GIÀU

## DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12

Năm học: 2019 - 2020

| STT | HỌ VÀ TÊN             | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------|--------|---------|---------|
| 1   | Huỳnh Lâm Hoài An     | Nữ        | 11A5   | 12A1    |         |
| 2   | Nguyễn Hoàng Ân       | Nam       | 11A13  | 12A1    |         |
| 3   | Đoàn Phi Anh          | Nữ        | 11A9   | 12A1    |         |
| 4   | Phạm Hoàng Anh        | Nam       | 11A2   | 12A1    |         |
| 5   | Lê Thị Ngọc Ánh       | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 6   | Nguyễn Kiên Cường     | Nam       | 11A4   | 12A1    |         |
| 7   | Nguyễn Thanh Danh     | Nam       | 11A5   | 12A1    |         |
| 8   | Khổng Trung Tuấn Đạt  | Nam       | 11A10  | 12A1    |         |
| 9   | Lưu Thị Hằng          | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 10  | Lê Trọng Hiếu         | Nam       | 11A12  | 12A1    |         |
| 11  | Phạm Lê Hoàng Hiếu    | Nữ        | 11A1   | 12A1    |         |
| 12  | Hồ Ngọc Hương         | Nữ        | 11A5   | 12A1    |         |
| 13  | Lê Huy Khánh          | Nam       | 11A11  | 12A1    |         |
| 14  | Mai Anh Khoa          | Nam       | 11A9   | 12A1    |         |
| 15  | Lê Cao Hoàng Linh     | Nam       | 11A12  | 12A1    |         |
| 16  | Phạm Thị Nhã Linh     | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 17  | Trịnh Khánh Linh      | Nữ        | 11A2   | 12A1    |         |
| 18  | Nguyễn Ngọc Xuân Mai  | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 19  | Trần Thị Hà My        | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 20  | Nguyễn Huỳnh Tú Ngân  | Nữ        | 11A3   | 12A1    |         |
| 21  | Trịnh Kim Ngân        | Nữ        | 11A9   | 12A1    |         |
| 22  | Nguyễn Thanh Nhân     | Nam       | 11A12  | 12A1    |         |
| 23  | Lê Lâm Yến Nhi        | Nữ        | 11A14  | 12A1    |         |
| 24  | Trần Nguyễn Yến Nhi   | Nữ        | 11A4   | 12A1    |         |
| 25  | Nguyễn Thị Phương Như | Nữ        | 11A8   | 12A1    |         |
| 26  | Lê Quốc Phong         | Nam       | 11A4   | 12A1    |         |
| 27  | Trần Nguyễn Trọng Phú | Nam       | 11A12  | 12A1    |         |
| 28  | Phạm Thu Phương       | Nữ        | 11A1   | 12A1    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN         |       | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|-----------|--------|---------|---------|
| 29  | Phạm Như          | Quỳnh | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 30  | Đặng Minh         | Sang  | Nam       | 11A11  | 12A1    |         |
| 31  | Tôn Quang         | Thắng | Nam       | 11A12  | 12A1    |         |
| 32  | Hoàng Trang       | Thi   | Nữ        | 11A2   | 12A1    |         |
| 33  | Nguyễn Lý Thu     | Thủy  | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 34  | Nguyễn Ngọc Thanh | Trà   | Nữ        | 11A6   | 12A1    |         |
| 35  | Trần Thị Ái       | Trân  | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 36  | Nguyễn Phương     | Trang | Nữ        | 11A10  | 12A1    |         |
| 37  | Trương Hoàng      | Trí   | Nam       | 11A13  | 12A1    |         |
| 38  | Nguyễn Đình Khánh | Trinh | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 39  | Võ Thị Ái         | Trinh | Nữ        | 11A5   | 12A1    |         |
| 40  | Tạ Ngọc Yến       | Vi    | Nữ        | 11A12  | 12A1    |         |
| 1   | Nguyễn Hồng Bảo   | An    | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 2   | Nguyễn Thị Kim    | Anh   | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 3   | Nguyễn Tuấn       | Anh   | Nam       | 11A12  | 12A2    |         |
| 4   | Phùng Vũ Vân      | Anh   | Nữ        | 11A11  | 12A2    |         |
| 5   | Bùi Thị Kim       | Chi   | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 6   | Nguyễn Ngọc       | Hân   | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 7   | Nguyễn Thị Thanh  | Hằng  | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 8   | Dương Trung       | Hòa   | Nam       | 11A7   | 12A2    |         |
| 9   | Nguyễn Mạnh Huy   | Hoàng | Nam       | 11A14  | 12A2    |         |
| 10  | Phạm Thị Hải      | Hung  | Nữ        | 11A14  | 12A2    |         |
| 11  | Nguyễn Lâm Giáng  | Hương | Nữ        | 11A6   | 12A2    |         |
| 12  | Bùi Minh          | Huy   | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 13  | Đặng Trường       | Huy   | Nam       | 11A11  | 12A2    |         |
| 14  | Nguyễn Đăng       | Huy   | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 15  | Trịnh Gia         | Huy   | Nam       | 11A12  | 12A2    |         |
| 16  | Lương Hoàng       | Khiêm | Nam       | 11A11  | 12A2    |         |
| 17  | Trương Trọng      | Kính  | Nam       | 11A6   | 12A2    |         |
| 18  | Ngô Quang         | Lộc   | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 19  | Trần Thị Bảo      | Lộc   | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 20  | Trần Vũ Minh      | Long  | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 21  | Trịnh Quang       | Long  | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 22  | Hoàng Nhật        | Mai   | Nữ        | 11A8   | 12A2    |         |
| 23  | Nguyễn Thị Bích   | Ngọc  | Nữ        | 11A11  | 12A2    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN           |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 24  | Nguyễn Hoàng        | Nguyên | Nam       | 11A7   | 12A2    |         |
| 25  | Nguyễn Kim Tuyết    | Như    | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng     | Như    | Nữ        | 11A14  | 12A2    |         |
| 27  | Nguyễn Tố           | Như    | Nữ        | 11A14  | 12A2    |         |
| 28  | Quách Ái            | Như    | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 29  | Phan Nhật T         | Phát   | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 30  | Trần Trương Thanh   | Phong  | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 31  | Huỳnh Phạm Minh     | Quân   | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 32  | Huỳnh Nhật          | Quang  | Nam       | 11A2   | 12A2    |         |
| 33  | Phạm Văn Thanh      | Tâm    | Nữ        | 11A14  | 12A2    |         |
| 34  | Đặng Tiến           | Thành  | Nam       | 11A14  | 12A2    |         |
| 35  | Vũ Thanh            | Thảo   | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 36  | Bùi Vũ Minh         | Thiên  | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 37  | Lê Trịnh Hưng       | Thịnh  | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 38  | Lê Minh             | Thông  | Nam       | 11A12  | 12A2    |         |
| 39  | Nguyễn Bảo          | Thông  | Nam       | 11A14  | 12A2    |         |
| 40  | Nguyễn Trần Minh    | Thư    | Nữ        | 11A2   | 12A2    |         |
| 41  | Đinh Lê Hoài        | Thương | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 42  | Trương Đoàn Bảo     | Trân   | Nữ        | 11A9   | 12A2    |         |
| 43  | Nguyễn Trần Minh    | Trí    | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 44  | Trần Cao            | Trí    | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 45  | Nguyễn Phương       | Trinh  | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 46  | Lê Phan Anh         | Tú     | Nam       | 11A12  | 12A2    |         |
| 47  | Đinh Quốc           | Tuấn   | Nam       | 11A13  | 12A2    |         |
| 48  | Phạm Phú            | Tuấn   | Nam       | 11A12  | 12A2    |         |
| 49  | Đỗ Nhã              | Uyên   | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 50  | Hồ Thanh Phương     | Vân    | Nữ        | 11A14  | 12A2    |         |
| 51  | Nguyễn Ngọc Phương  | Vy     | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 52  | Nguyễn Thảo         | Vy     | Nữ        | 11A13  | 12A2    |         |
| 53  | Nguyễn Thị Tường    | Vy     | Nữ        | 11A7   | 12A2    |         |
| 54  | Nguyễn Trần Phương  | Vy     | Nữ        | 11A12  | 12A2    |         |
| 1   | Trần Lê Bình        | An     | Nam       | 11A7   | 12A3    |         |
| 2   | Phạm Trần Thảo      | Anh    | Nữ        | 11A8   | 12A3    |         |
| 3   | Phùng Nguyễn Phương | Anh    | Nữ        | 11A8   | 12A3    |         |
| 4   | Vũ Mai              | Anh    | Nữ        | 11A13  | 12A3    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN          |       | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------|-----------|--------|---------|---------|
| 5   | Huỳnh Thị Mộng     | Bình  | Nữ        | 11A9   | 12A3    |         |
| 6   | Ngô Thanh Bảo      | Châu  | Nữ        | 11A14  | 12A3    |         |
| 7   | Huỳnh Nguyễn Tuấn  | Cường | Nam       | 11A6   | 12A3    |         |
| 8   | Huỳnh Diễm         | Diễm  | Nữ        | 11A7   | 12A3    |         |
| 9   | Nguyễn Lê Minh     | Duy   | Nam       | 11A14  | 12A3    |         |
| 10  | Nguyễn Thị Hồng    | Hạnh  | Nữ        | 11A4   | 12A3    |         |
| 11  | Lưu Thị            | Hiếu  | Nữ        | 11A10  | 12A3    |         |
| 12  | Nguyễn Trọng       | Hiếu  | Nam       | 11A14  | 12A3    |         |
| 13  | Phạm Việt          | Hung  | Nam       | 11A2   | 12A3    |         |
| 14  | Lê Hoàng Gia       | Huy   | Nam       | 11A3   | 12A3    |         |
| 15  | Tăng Bảo Hoàng     | Huy   | Nam       | 11A5   | 12A3    |         |
| 16  | Đồng Quốc          | Khánh | Nam       | 11A6   | 12A3    |         |
| 17  | Nguyễn Thanh       | Khoa  | Nam       | 11A4   | 12A3    |         |
| 18  | Nguyễn Anh         | Khôi  | Nam       | 11A14  | 12A3    |         |
| 19  | Trương Quang       | Khôi  | Nam       | 11A5   | 12A3    |         |
| 20  | Đào Tuấn           | Kiệt  | Nam       | 11A1   | 12A3    |         |
| 21  | Kiều Sơn           | Lâm   | Nam       | 11A4   | 12A3    |         |
| 22  | Nguyễn Hoàng Thanh | Mai   | Nữ        | 11A5   | 12A3    |         |
| 23  | Nguyễn Hoài Minh   | Mẫn   | Nam       | 11A13  | 12A3    |         |
| 24  | Nguyễn Đình        | Nghi  | Nam       | 11A2   | 12A3    |         |
| 25  | Bùi Thế            | Nghĩa | Nam       | 11A7   | 12A3    |         |
| 26  | Nguyễn Thị Khánh   | Nhận  | Nữ        | 11A10  | 12A3    |         |
| 27  | Nguyễn Châu Thanh  | Phong | Nam       | 11A6   | 12A3    |         |
| 28  | Phạm Nguyễn Minh   | Phúc  | Nam       | 11A14  | 12A3    |         |
| 29  | Nguyễn Xuân        | Quý   | Nam       | 11A9   | 12A3    |         |
| 30  | Nguyễn Bá          | Quyên | Nam       | 11A3   | 12A3    |         |
| 31  | Phan Lê            | Quỳnh | Nữ        | 11A14  | 12A3    |         |
| 32  | Trịnh Lương Hoài   | Tâm   | Nữ        | 11A1   | 12A3    |         |
| 33  | Nguyễn Hoàng       | Tân   | Nam       | 11A11  | 12A3    |         |
| 34  | Lê Ngọc            | Thanh | Nam       | 11A8   | 12A3    |         |
| 35  | Lê Hoàng           | Thảo  | Nữ        | 11A4   | 12A3    |         |
|     |                    |       |           |        | 12A3    |         |
| 37  | Nguyễn Ngọc Trí    | Thiện | Nam       | 11A4   | 12A3    |         |
| 38  | Lê Quốc            | Thịnh | Nam       | 11A10  | 12A3    |         |
| 39  | Phạm Thị Minh      | Thư   | Nữ        | 11A2   | 12A3    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 40  | Nguyễn Xuân       | Tiến   | Nam       | 11A5   | 12A3    |         |
| 41  | Lê Thị Huyền      | Trân   | Nữ        | 11A3   | 12A3    |         |
| 42  | Văn Thị Quỳnh     | Trang  | Nữ        | 11A13  | 12A3    |         |
| 43  | Trần Minh         | Triết  | Nam       | 11A4   | 12A3    |         |
| 44  | Lê Hoàng Thanh    | Tuyền  | Nữ        | 11A9   | 12A3    |         |
| 45  | Lê Hạnh           | Uyên   | Nữ        | 11A10  | 12A3    |         |
| 46  | Phạm Thị Thanh    | Vi     | Nữ        | 11A14  | 12A3    |         |
| 47  | Từ Thị Ngọc       | Yến    | Nữ        | 11A9   | 12A3    |         |
| 1   | Đinh Thị Lan      | Anh    | Nữ        | 11A9   | 12A4    |         |
| 2   | Đỗ Thị Kim        | Anh    | Nữ        | 11A5   | 12A4    |         |
| 3   | Phan Thị Minh     | Anh    | Nữ        | 11A11  | 12A4    |         |
| 4   | Lê Chí Tôn        | Bảo    | Nam       | 11A2   | 12A4    |         |
| 5   | Đỗ Văn            | Chương | Nam       | 11A13  | 12A4    |         |
|     |                   |        |           |        | 12A4    |         |
| 7   | Huỳnh Tấn         | Đạt    | Nam       | 11A6   | 12A4    |         |
| 8   | Nguyễn Tiến       | Đạt    | Nam       | 11A1   | 12A4    |         |
| 9   | Nguyễn Minh       | Đức    | Nam       | 11A5   | 12A4    |         |
| 10  | Hoàng Nguyễn Phúc | Hải    | Nam       | 11A7   | 12A4    |         |
| 11  | Nguyễn Ngọc       | Hân    | Nam       | 11A8   | 12A4    |         |
| 12  | Phạm Thị Thanh    | Hằng   | Nữ        | 11A10  | 12A4    |         |
| 13  | Phạm Văn Thúy     | Hiên   | Nữ        | 11A6   | 12A4    |         |
| 14  | Phạm Duy          | Hoàng  | Nam       | 11A3   | 12A4    |         |
| 15  | Nguyễn Minh       | Hung   | Nam       | 11A7   | 12A4    |         |
| 16  | Phương Tiến       | Huy    | Nam       | 11A11  | 12A4    |         |
| 17  | Vũ Đức            | Huy    | Nam       | 11A7   | 12A4    |         |
| 18  | Võ Phan Hoài      | Khánh  | Nữ        | 11A13  | 12A4    |         |
| 19  | Phạm Song         | Lập    | Nam       | 11A1   | 12A4    |         |
|     |                   |        |           |        | 12A4    |         |
| 21  | Đặng Đức          | Long   | Nam       | 11A11  | 12A4    |         |
| 22  | Lê Hoàng          | Long   | Nam       | 11A1   | 12A4    |         |
| 23  | Dương Ngọc Thiên  | Lý     | Nữ        | 11A13  | 12A4    |         |
| 24  | Trịnh Hải         | My     | Nữ        | 11A9   | 12A4    |         |
| 25  | Nguyễn Thanh      | Nhàn   | Nữ        | 11A9   | 12A4    |         |
| 26  | Mai Thị Tuyết     | Nhung  | Nữ        | 11A10  | 12A4    |         |
| 27  | Nguyễn Quốc       | Phát   | Nam       | 11A5   | 12A4    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN        |       | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|------------------|-------|-----------|--------|---------|---------|
| 28  | Lê Trần Thanh    | Phong | Nam       | 11A11  | 12A4    |         |
| 29  | Huỳnh Ngọc       | Phước | Nam       | 11A13  | 12A4    |         |
| 30  | Đinh Thiện       | Quang | Nam       | 11A14  | 12A4    |         |
| 31  | Nguyễn Lê Tú     | Quyên | Nữ        | 11A6   | 12A4    |         |
| 32  | Nguyễn Ngọc Như  | Quỳnh | Nữ        | 11A1   | 12A4    |         |
| 33  | Phùng Thanh      | Son   | Nam       | 11A12  | 12A4    |         |
| 34  | Nguyễn Thị Thanh | Tâm   | Nữ        | 11A8   | 12A4    |         |
| 35  | Lê Nguyễn Minh   | Thành | Nam       | 11A9   | 12A4    |         |
| 36  | Trần Thụy Thạch  | Thảo  | Nữ        | 11A14  | 12A4    |         |
| 37  | Nguyễn Đình      | Thế   | Nam       | 11A5   | 12A4    |         |
| 38  | Nguyễn Hữu       | Thịnh | Nam       | 11A3   | 12A4    |         |
| 39  | Vương Nguyễn Anh | Thư   | Nữ        | 11A5   | 12A4    |         |
| 40  | Nguyễn Bích      | Thúy  | Nữ        | 11A12  | 12A4    |         |
| 41  | Đặng Minh        | Trí   | Nam       | 11A8   | 12A4    |         |
| 42  | Bùi Trần Thanh   | Trúc  | Nữ        | 11A4   | 12A4    |         |
| 43  | Nguyễn Anh       | Tú    | Nam       | 11A10  | 12A4    |         |
| 44  | Đinh Thị Ánh     | Tuyết | Nữ        | 11A13  | 12A4    |         |
| 45  | Trần Nhật        | Vy    | Nữ        | 11A14  | 12A4    |         |
| 46  | Võ Hoàng Trúc    | Vy    | Nữ        | 11A11  | 12A4    |         |
| 1   | Đỗ Trần Như Gia  | Bảo   | Nam       | 11A7   | 12A5    |         |
| 2   | Nguyễn Nhật      | Bảo   | Nam       | 11A11  | 12A5    |         |
| 3   | Trần Đức         | Bình  | Nam       | 11A11  | 12A5    |         |
| 4   | Huỳnh Trương Bảo | Châu  | Nữ        | 11A6   | 12A5    |         |
| 5   | Lê Trần Quỳnh    | Châu  | Nữ        | 11A14  | 12A5    |         |
| 6   | Trần Minh        | Chiến | Nam       | 11A14  | 12A5    |         |
| 7   | Ngô Vi           | Công  | Nam       | 11A13  | 12A5    |         |
|     |                  |       |           |        | 12A5    |         |
|     |                  |       |           |        | 12A5    |         |
| 10  | Nguyễn Ngọc      | Doanh | Nữ        | 11A8   | 12A5    |         |
| 11  | Trần Ngọc Mỹ     | Duyên | Nữ        | 11A7   | 12A5    |         |
| 12  | Nguyễn Thị Thanh | Hà    | Nữ        | 11A10  | 12A5    |         |
| 13  | Trương An        | Hạ    | Nữ        | 11A4   | 12A5    |         |
| 14  | Hoàng Gia        | Huy   | Nam       | 11A1   | 12A5    |         |
| 15  | Nguyễn Mạnh      | Huy   | Nam       | 11A8   | 12A5    |         |
| 16  | Trần Quang       | Huy   | Nam       | 11A13  | 12A5    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN           |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 17  | Võ Thị Bé           | Khanh  | Nữ        | 11A4   | 12A5    |         |
| 18  | Ngô Trọng           | Khánh  | Nam       | 11A4   | 12A5    |         |
| 19  | Cái Minh            | Khôi   | Nam       | 11A4   | 12A5    |         |
| 20  | Nguyễn Hồng Tuấn    | Kiệt   | Nam       | 11A14  | 12A5    |         |
| 21  | Võ Công             | Kỳ     | Nam       | 11A8   | 12A5    |         |
| 22  | Lương Nguyễn Phúc   | Linh   | Nam       | 11A5   | 12A5    |         |
| 23  | Nguyễn Hải          | Linh   | Nam       | 11A7   | 12A5    |         |
| 24  | Nguyễn Thị Kim      | Loan   | Nữ        | 11A10  | 12A5    |         |
| 25  | Nguyễn Thành        | Long   | Nam       | 11A14  | 12A5    |         |
| 26  | Hồ Nguyễn Huyền     | Minh   | Nữ        | 11A7   | 12A5    |         |
| 27  | Phan Nguyễn Thu     | Ngân   | Nữ        | 11A3   | 12A5    |         |
| 28  | Bùi Hữu             | Nhân   | Nam       | 11A2   | 12A5    |         |
| 29  | Bạch Ái             | Nhi    | Nữ        | 11A7   | 12A5    |         |
| 30  | Đặng Quách Ngọc Kim | Nhi    | Nữ        | 11A8   | 12A5    |         |
| 31  | Lại Ngọc            | Nhi    | Nữ        | 11A6   | 12A5    |         |
| 32  | Võ Thị Phương       | Như    | Nữ        | 11A8   | 12A5    |         |
| 33  | Nguyễn Thị Hồng     | Nhung  | Nữ        | 11A12  | 12A5    |         |
| 34  | Huỳnh Tấn           | Phát   | Nam       | 11A2   | 12A5    |         |
| 35  | Tô Hồng             | Phát   | Nam       | 11A14  | 12A5    |         |
| 36  | Võ Minh             | Quân   | Nam       | 11A7   | 12A5    |         |
| 37  | Trần Trung          | Tâm    | Nam       | 11A8   | 12A5    |         |
| 38  | Ngô Phú             | Thành  | Nam       | 11A2   | 12A5    |         |
| 39  | Võ Ngọc Anh         | Thư    | Nữ        | 11A3   | 12A5    |         |
| 40  | Nguyễn Thị Tuyết    | Trang  | Nữ        | 11A13  | 12A5    |         |
| 41  | Lê Quỳnh Thế        | Tú     | Nữ        | 11A8   | 12A5    |         |
| 42  | Đinh Minh Bảo       | Tuyền  | Nữ        | 11A1   | 12A5    |         |
| 43  | Cao Anh             | Văn    | Nam       | 11A14  | 12A5    |         |
| 44  | Phan Trương Tường   | Vy     | Nữ        | 11A8   | 12A5    |         |
| 45  | Liêu Hồng           | Y      | Nữ        | 11A9   | 12A5    |         |
| 46  | Thái Ngọc           | Yến    | Nữ        | 11A10  | 12A5    |         |
| 1   | Hoàng Công Tuấn     | Anh    | Nam       | 11A12  | 12A6    |         |
| 2   | Phạm Thị Minh       | Anh    | Nữ        | 11A5   | 12A6    |         |
| 3   | Huỳnh Công          | Chiến  | Nam       | 11A13  | 12A6    |         |
| 4   | Tạ Đình             | Chương | Nam       | 11A14  | 12A6    |         |
| 5   | Nguyễn Lê Thành     | Đại    | Nam       | 11A13  | 12A6    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN            |               | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI     | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------|-----------|--------|-------------|---------|
| 6   | Nguyễn Phú Thiên     | <b>Đăng</b>   | Nam       | 11A13  | <b>12A6</b> |         |
| 7   | Trần Thị Thanh       | <b>Diễm</b>   | Nữ        | 11A5   | <b>12A6</b> |         |
| 8   | Vũ Văn               | <b>Đức</b>    | Nam       | 11A3   | <b>12A6</b> |         |
| 9   | Nguyễn Ngọc          | <b>Dung</b>   | Nữ        | 11A5   | <b>12A6</b> |         |
| 10  | Huỳnh Công           | <b>Duy</b>    | Nam       | 11A5   | <b>12A6</b> |         |
| 11  | Phạm Thị Ngọc        | <b>Hà</b>     | Nữ        | 11A3   | <b>12A6</b> |         |
| 12  | Nguyễn Lê Duy        | <b>Hải</b>    | Nam       | 11A3   | <b>12A6</b> |         |
| 13  | Lê Thị Thu           | <b>Hiền</b>   | Nữ        | 11A9   | <b>12A6</b> |         |
| 14  | Nguyễn Thị Thanh     | <b>Hiền</b>   | Nữ        | 11A12  | <b>12A6</b> |         |
| 15  | Nguyễn Văn           | <b>Hiếu</b>   | Nam       | 11A7   | <b>12A6</b> |         |
| 16  | Nguyễn Huy           | <b>Hoàng</b>  | Nam       | 11A8   | <b>12A6</b> |         |
| 17  | Lê Nguyễn Thanh      | <b>Hung</b>   | Nam       | 11A4   | <b>12A6</b> |         |
| 18  | Trần Thị Thu         | <b>Hương</b>  | Nữ        | 11A8   | <b>12A6</b> |         |
| 19  | Trương Võ Quỳnh      | <b>Hương</b>  | Nữ        | 11A4   | <b>12A6</b> |         |
| 20  | Nguyễn Trần Anh      | <b>Huy</b>    | Nam       | 11A9   | <b>12A6</b> |         |
| 21  | Trần Phúc            | <b>Huy</b>    | Nam       | 11A8   | <b>12A6</b> |         |
| 22  | Hoàng Lê Diễm        | <b>Huyền</b>  | Nữ        | 11A13  | <b>12A6</b> |         |
| 23  | Bùi Nguyễn Đăng      | <b>Khoa</b>   | Nam       | 11A12  | <b>12A6</b> |         |
| 24  | Đoàn Minh            | <b>Khôi</b>   | Nam       | 11A9   | <b>12A6</b> |         |
| 25  | Vũ Hoàng             | <b>Long</b>   | Nam       | 11A13  | <b>12A6</b> |         |
| 26  | Hồ Thị Xuân          | <b>Mai</b>    | Nữ        | 11A4   | <b>12A6</b> |         |
| 27  | Lưu Thị              | <b>Mai</b>    | Nữ        | 11A7   | <b>12A6</b> |         |
|     |                      |               |           |        | <b>12A6</b> |         |
| 29  | Huỳnh Đỗ Ngọc        | <b>Mỹ</b>     | Nữ        | 11A13  | <b>12A6</b> |         |
| 30  | Vũ Đình              | <b>Nam</b>    | Nam       | 11A10  | <b>12A6</b> |         |
|     |                      |               |           |        | <b>12A6</b> |         |
| 32  | Nguyễn Hồng          | <b>Ngọc</b>   | Nữ        | 11A13  | <b>12A6</b> |         |
| 33  | Tô Mộc               | <b>Nguyên</b> | Nam       | 11A4   | <b>12A6</b> |         |
| 34  | Nguyễn Hoàng Yến     | <b>Nhi</b>    | Nữ        | 11A6   | <b>12A6</b> |         |
| 35  | Lê Hữu               | <b>Phúc</b>   | Nam       | 11A9   | <b>12A6</b> |         |
| 36  | Phan Thanh           | <b>Phương</b> | Nữ        | 11A2   | <b>12A6</b> |         |
| 37  | Lê Đức Minh          | <b>Quân</b>   | Nam       | BL     | <b>12A6</b> |         |
| 38  | Nguyễn Đình Thiên    | <b>Tài</b>    | Nam       | 11A14  | <b>12A6</b> |         |
| 39  | Nguyễn Văn           | <b>Thành</b>  | Nam       | 11A8   | <b>12A6</b> |         |
| 40  | Nguyễn Lê Phương Anh | <b>Thư</b>    | Nữ        | 11A13  | <b>12A6</b> |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 41  | Âu Thị Cẩm        | Thúy   | Nữ        | 11A8   | 12A6    |         |
| 42  | Vũ Nguyễn Ngọc    | Trang  | Nữ        | 11A8   | 12A6    |         |
| 43  | Trần Đức          | Trọng  | Nam       | 11A6   | 12A6    |         |
| 44  | Nguyễn Hà Thảo    | Vân    | Nữ        | 11A6   | 12A6    |         |
| 45  | Nguyễn Thanh      | Vy     | Nữ        | 11A7   | 12A6    |         |
| 46  | Phạm Nguyễn Ngọc  | Yến    | Nữ        | 11A13  | 12A6    |         |
| 1   | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Anh    | Nữ        | 11A4   | 12A7    |         |
| 2   | Nguyễn Nguyên     | Chương | Nam       | 11A3   | 12A7    |         |
| 3   | Huỳnh Bạch Quốc   | Đăng   | Nam       | 11A13  | 12A7    |         |
| 4   | Bùi Ngọc Trúc     | Đào    | Nữ        | 11A2   | 12A7    |         |
| 5   | Nguyễn Trung      | Đoan   | Nam       | 11A14  | 12A7    |         |
| 6   | Đỗ Xuân Quý       | Dương  | Nam       | 11A2   | 12A7    |         |
| 7   | Cao Quốc          | Duy    | Nam       | 11A9   | 12A7    |         |
| 8   | Trần Gia          | Hân    | Nữ        | 11A14  | 12A7    |         |
| 9   | Huỳnh Minh        | Hoàng  | Nam       | 11A12  | 12A7    |         |
| 10  | Dương Quốc        | Hung   | Nam       | 11A11  | 12A7    |         |
| 11  | Nguyễn Thị Xuân   | Hương  | Nữ        | 11A5   | 12A7    |         |
| 12  | Trần Phúc         | Huy    | Nam       | 11A14  | 12A7    |         |
| 13  | Lê Ngọc Nguyên    | Khôi   | Nam       | 11A3   | 12A7    |         |
| 14  | Trần Phi          | Long   | Nam       | 11A5   | 12A7    |         |
| 15  | Nguyễn Ngọc Xuân  | Mai    | Nữ        | 11A11  | 12A7    |         |
| 16  | Vũ Hoàng          | Minh   | Nam       | 11A14  | 12A7    |         |
| 17  | Phan Nguyễn Quốc  | Nam    | Nam       | 11A2   | 12A7    |         |
| 18  | Lâm Thị Mỹ        | Nga    | Nữ        | 11A14  | 12A7    |         |
| 19  | Lê Kim            | Ngân   | Nữ        | 11A1   | 12A7    |         |
| 20  | Phạm Nhâm         | Ngọ    | Nam       | 11A9   | 12A7    |         |
|     |                   |        |           |        | 12A7    |         |
| 22  | Trần Đặng Thế     | Nguyễn | Nam       | 11A13  | 12A7    |         |
| 23  | Thiều Minh        | Nguyệt | Nữ        | 11A14  | 12A7    |         |
| 24  | Lê Hoàng          | Nhật   | Nam       | 11A1   | 12A7    |         |
| 25  | Nguyễn Dương Yến  | Nhi    | Nữ        | CĐ     | 12A7    |         |
| 26  | Giang Kim Ngọc    | Phú    | Nam       | 11A14  | 12A7    |         |
| 27  | Lê Ngọc           | Phúc   | Nam       | 11A9   | 12A7    |         |
| 28  | Nguyễn Nguyên     | Phúc   | Nam       | 11A9   | 12A7    |         |
| 29  | Nguyễn Thị Thanh  | Phúc   | Nữ        | 11A10  | 12A7    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN         |              | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI     | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------|-----------|--------|-------------|---------|
| 30  | Phan Nghi         | <b>Phụng</b> | Nữ        | 11A1   | <b>12A7</b> |         |
| 31  | Trần Nguyễn Đăng  | <b>Quang</b> | Nam       | 11A4   | <b>12A7</b> |         |
| 32  | Vũ Minh           | <b>Quang</b> | Nam       | 11A6   | <b>12A7</b> |         |
| 33  | Võ Văn            | <b>Tài</b>   | Nam       | 11A4   | <b>12A7</b> |         |
|     |                   |              |           |        | <b>12A7</b> |         |
| 35  | Vũ Quang          | <b>Thái</b>  | Nam       | 11A11  | <b>12A7</b> |         |
| 36  | Phạm Phú          | <b>Thành</b> | Nam       | 11A14  | <b>12A7</b> |         |
| 37  | Nguyễn Đỗ         | <b>Thiên</b> | Nam       | 11A3   | <b>12A7</b> |         |
| 38  | Phạm Võ Minh      | <b>Thông</b> | Nam       | 11A10  | <b>12A7</b> |         |
| 39  | Đào Thụy Ngọc     | <b>Trân</b>  | Nữ        | 11A11  | <b>12A7</b> |         |
| 40  | Lý Lan            | <b>Trinh</b> | Nữ        | 11A1   | <b>12A7</b> |         |
| 41  | Nguyễn Hoàng Minh | <b>Tú</b>    | Nữ        | 11A12  | <b>12A7</b> |         |
| 42  | Lê Giang Mỹ       | <b>Uyên</b>  | Nữ        | 11A2   | <b>12A7</b> |         |
| 43  | Trần Tú           | <b>Uyên</b>  | Nữ        | 11A5   | <b>12A7</b> |         |
| 44  | Lê Hoàng Thảo     | <b>Vy</b>    | Nữ        | 11A9   | <b>12A7</b> |         |
| 45  | Phan Nhật         | <b>Vy</b>    | Nữ        | 11A14  | <b>12A7</b> |         |
| 1   | Dương Trường      | <b>An</b>    | Nữ        | 11A3   | <b>12A8</b> |         |
| 2   | Nguyễn Thái Bình  | <b>An</b>    | Nam       | 11A10  | <b>12A8</b> |         |
| 3   | Nguyễn Dương Văn  | <b>Anh</b>   | Nữ        | 11A14  | <b>12A8</b> |         |
| 4   | Lê                | <b>Bình</b>  | Nam       | 11A6   | <b>12A8</b> |         |
|     |                   |              |           |        | <b>12A8</b> |         |
|     |                   |              |           |        | <b>12A8</b> |         |
| 7   | Dương Minh        | <b>Đạt</b>   | Nam       | 11A14  | <b>12A8</b> |         |
| 8   | Nguyễn Hương      | <b>Giang</b> | Nữ        | 11A3   | <b>12A8</b> |         |
| 9   | Hồ Thanh          | <b>Hòa</b>   | Nam       | 11A14  | <b>12A8</b> |         |
| 10  | Nguyễn Phi        | <b>Hùng</b>  | Nam       | 11A13  | <b>12A8</b> |         |
| 11  | Đặng Công Duy     | <b>Kha</b>   | Nam       | 11A8   | <b>12A8</b> |         |
|     |                   |              |           |        | <b>12A8</b> |         |
| 13  | Phan Thị Kim      | <b>Loan</b>  | Nữ        | 11A6   | <b>12A8</b> |         |
| 14  | Trần Huỳnh Ngọc   | <b>Mai</b>   | Nữ        | 11A8   | <b>12A8</b> |         |
| 15  | Phạm Thành        | <b>Nam</b>   | Nam       | 11A13  | <b>12A8</b> |         |
| 16  | Nguyễn Phan Thiên | <b>Ngân</b>  | Nữ        | 11A1   | <b>12A8</b> |         |
| 17  | Trương Thị Cẩm    | <b>Nhung</b> | Nữ        | 11A10  | <b>12A8</b> |         |
| 18  | Võ Thị Mỹ         | <b>Oanh</b>  | Nữ        | 11A1   | <b>12A8</b> |         |
| 19  | Nguyễn Xuân       | <b>Phát</b>  | Nam       | 11A8   | <b>12A8</b> |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN              |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 20  | Đoàn Lê Ái             | Phi    | Nữ        | 11A1   | 12A8    |         |
| 21  | Mai Huy                | Phúc   | Nam       | 11A9   | 12A8    |         |
| 22  | Huỳnh Diệu             | Phuong | Nữ        | 11A3   | 12A8    |         |
| 23  | Trần Ngọc              | Phuong | Nữ        | 11A1   | 12A8    |         |
| 24  | Lê Nguyễn Minh         | Quân   | Nam       | 11A1   | 12A8    |         |
| 25  | Nguyễn Hiếu Trung      | Quân   | Nam       | 11A10  | 12A8    |         |
| 26  | Phan Minh              | Quân   | Nam       | 11A2   | 12A8    |         |
| 27  | Cao Nguyễn Như         | Quỳnh  | Nữ        | 11A1   | 12A8    |         |
| 28  | Nguyễn Minh            | Tâm    | Nam       | 11A1   | 12A8    |         |
| 29  | Đào Đức                | Thắng  | Nam       | 11A8   | 12A8    |         |
| 30  | Trương Quốc            | Thắng  | Nam       | 11A6   | 12A8    |         |
| 31  | Trần Đức               | Thịnh  | Nam       | 11A9   | 12A8    |         |
| 32  | Trần Kim               | Thoa   | Nữ        | 11A2   | 12A8    |         |
| 33  | Lê Thị                 | Thư    | Nữ        | 11A7   | 12A8    |         |
| 34  | Trịnh Tấn              | Thuận  | Nam       | 11A12  | 12A8    |         |
| 35  | Lê Thị                 | Tiên   | Nữ        | 11A6   | 12A8    |         |
| 36  | Trang Khanh Huỳnh Ngọc | Trân   | Nữ        | 11A13  | 12A8    |         |
| 37  | Phan Đức               | Trí    | Nam       | 11A14  | 12A8    |         |
| 38  | Nguyễn Minh            | Triết  | Nam       | 11A14  | 12A8    |         |
| 39  | Nguyễn Hải             | Triều  | Nam       | 11A8   | 12A8    |         |
| 40  | Nguyễn Thị Thanh       | Trúc   | Nữ        | 11A5   | 12A8    |         |
| 41  | Văn Lộc Minh           | Trung  | Nam       | 11A6   | 12A8    |         |
| 42  | Bùi Hữu                | Tú     | Nam       | 11A10  | 12A8    |         |
| 43  | Đoàn Anh               | Tuấn   | Nam       | 11A6   | 12A8    |         |
| 44  | Nguyễn Huỳnh Tuyết     | Vân    | Nữ        | 11A1   | 12A8    |         |
| 45  | Lê Ngô Hùng            | Vĩ     | Nam       | 11A4   | 12A8    |         |
| 46  | Đinh Trần Khánh        | Vy     | Nữ        | 11A9   | 12A8    |         |
| 1   | Mai Nguyễn Tường       | Anh    | Nữ        | 11A11  | 12A9    |         |
| 2   | Nguyễn Đức Gia         | Bảo    | Nam       | 11A1   | 12A9    |         |
| 3   | Phạm Ngọc              | Bảo    | Nữ        | 11A1   | 12A9    |         |
| 4   | Nguyễn Thái            | Bình   | Nam       | 11A8   | 12A9    |         |
| 5   | Lưu Danh               | Đạt    | Nam       | 11A2   | 12A9    |         |
| 6   | Nguyễn Thành           | Đạt    | Nam       | 11A1   | 12A9    |         |
| 7   | Bùi Nguyễn Quang       | Đức    | Nam       | 11A3   | 12A9    |         |
| 8   | Lô Thị Lan             | Duyên  | Nữ        | 11A2   | 12A9    |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN         |               | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI      | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------|-----------|--------|--------------|---------|
| 9   | Nguyễn Hương      | <b>Giang</b>  | Nữ        | 11A10  | <b>12A9</b>  |         |
| 10  | Dương Thị Thúy    | <b>Hiên</b>   | Nữ        | 11A5   | <b>12A9</b>  |         |
| 11  | Nguyễn Ngọc       | <b>Hiên</b>   | Nam       | 11A10  | <b>12A9</b>  |         |
| 12  | Nguyễn Thị Phương | <b>Hiên</b>   | Nữ        | 11A8   | <b>12A9</b>  |         |
| 13  | Bùi Ngọc Minh     | <b>Hương</b>  | Nữ        | 11A5   | <b>12A9</b>  |         |
| 14  | Nguyễn Phúc Vũ    | <b>Huy</b>    | Nam       | 11A1   | <b>12A9</b>  |         |
| 15  | Phạm Trần Gia     | <b>Huyền</b>  | Nam       | 11A5   | <b>12A9</b>  |         |
|     |                   |               |           |        | <b>12A9</b>  |         |
| 17  | Lê Ngọc Thành     | <b>Liên</b>   | Nam       | 11A2   | <b>12A9</b>  |         |
| 18  | Nguyễn Thành      | <b>Luân</b>   | Nam       | 11A5   | <b>12A9</b>  |         |
| 19  | Nguyễn Thảo       | <b>Nguyên</b> | Nữ        | 11A5   | <b>12A9</b>  |         |
| 20  | Phan Duy          | <b>Nhật</b>   | Nam       | 11A11  | <b>12A9</b>  |         |
| 21  | Lê Hương          | <b>Nhi</b>    | Nữ        | 11A6   | <b>12A9</b>  |         |
| 22  | Phạm Quỳnh        | <b>Như</b>    | Nữ        | 11A9   | <b>12A9</b>  |         |
| 23  | Trần Đình         | <b>Phong</b>  | Nam       | 11A2   | <b>12A9</b>  |         |
| 24  | Lê Quang          | <b>Phú</b>    | Nam       | 11A7   | <b>12A9</b>  |         |
| 25  | Võ Thiên          | <b>Phước</b>  | Nam       | 11A3   | <b>12A9</b>  |         |
|     |                   |               |           |        | <b>12A9</b>  |         |
| 27  | Phạm Đỗ Uyên      | <b>Phương</b> | Nữ        | 11A9   | <b>12A9</b>  |         |
| 28  | Vũ Thục           | <b>Quyên</b>  | Nữ        | 11A13  | <b>12A9</b>  |         |
| 29  | Tam Tuệ           | <b>Tâm</b>    | Nữ        | 11A6   | <b>12A9</b>  |         |
| 30  | Bùi Đăng Quốc     | <b>Thái</b>   | Nam       | 11A3   | <b>12A9</b>  |         |
| 31  | Lê Thị Ngọc       | <b>Thảo</b>   | Nữ        | 11A10  | <b>12A9</b>  |         |
| 32  | Nguyễn Hữu        | <b>Toàn</b>   | Nam       | 11A2   | <b>12A9</b>  |         |
| 33  | Nguyễn Huỳnh      | <b>Trí</b>    | Nam       | 11A8   | <b>12A9</b>  |         |
| 34  | Dương Quang       | <b>Trường</b> | Nam       | 11A4   | <b>12A9</b>  |         |
| 35  | Nguyễn Hoàng Anh  | <b>Tú</b>     | Nam       | 11A3   | <b>12A9</b>  |         |
| 36  | Đoàn Nguyễn Khánh | <b>Vân</b>    | Nữ        | 11A7   | <b>12A9</b>  |         |
| 37  | Bùi Thị Trúc      | <b>Vy</b>     | Nữ        | 11A9   | <b>12A9</b>  |         |
| 38  | Huỳnh Thúy        | <b>Vy</b>     | Nữ        | 11A3   | <b>12A9</b>  |         |
|     |                   |               |           |        | <b>12A9</b>  |         |
| 40  | Bùi Lê Hồng       | <b>Yến</b>    | Nữ        | 11A3   | <b>12A9</b>  |         |
| 1   | Nguyễn Trần Hoàng | <b>Anh</b>    | Nam       | 11A4   | <b>12A10</b> |         |
| 2   | Huỳnh Ngọc        | <b>Bảo</b>    | Nam       | 11A10  | <b>12A10</b> |         |
| 3   | Nguyễn Phan Gia   | <b>Bảo</b>    | Nam       | 11A10  | <b>12A10</b> |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN           |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 4   | Hồ Thanh            | Bình   | Nam       | 11A11  | 12A10   |         |
| 5   | Hoàng Hà            | Chi    | Nữ        | 11A4   | 12A10   |         |
|     |                     |        |           |        | 12A10   |         |
| 7   | Nguyễn Văn          | Công   | Nam       | 11A4   | 12A10   |         |
| 8   | Trương Nguyễn Thành | Công   | Nam       | 11A2   | 12A10   |         |
| 9   | Hồ Bảo              | Cường  | Nam       | 11A6   | 12A10   |         |
| 10  | Lữ Ngọc             | Đức    | Nam       | 11A1   | 12A10   |         |
| 11  | Lý Hữu Hoàng        | Duy    | Nam       | 11A1   | 12A10   |         |
| 12  | Bùi Ngọc            | Duyên  | Nữ        | 11A1   | 12A10   |         |
| 13  | Võ Thị Thanh        | Hiền   | Nữ        | 11A10  | 12A10   |         |
|     |                     |        |           |        | 12A10   |         |
| 15  | Trần Gia            | Huy    | Nam       | 11A7   | 12A10   |         |
| 16  | Nguyễn Kim          | Khánh  | Nữ        | 11A8   | 12A10   |         |
| 17  | Nguyễn Chu Yên      | Lam    | Nữ        | 11A3   | 12A10   |         |
| 18  | Trần Thị Mỹ         | Linh   | Nữ        | 11A3   | 12A10   |         |
| 19  | Nguyễn Thị          | Loan   | Nữ        | 11A6   | 12A10   |         |
| 20  | Phạm Nguyễn Nhất    | Long   | Nam       | 11A11  | 12A10   |         |
| 21  | Dương Thị Tuyết     | Mai    | Nữ        | 11A9   | 12A10   |         |
| 22  | Nguyễn Lê Thanh     | Mai    | Nữ        | 11A9   | 12A10   |         |
| 23  | Phạm Dư             | Ngọc   | Nam       | 11A10  | 12A10   |         |
| 24  | Nguyễn Ngọc         | Như    | Nữ        | 11A1   | 12A10   |         |
| 25  | Nguyễn Quỳnh        | Như    | Nữ        | 11A3   | 12A10   |         |
| 26  | Nguyễn Trần Tuyết   | Như    | Nữ        | 11A3   | 12A10   |         |
| 27  | Bùi Lê Uyên         | Phương | Nữ        | 11A6   | 12A10   |         |
| 28  | Phạm Lan            | Phương | Nữ        | 11A6   | 12A10   |         |
| 29  | Trương Huỳnh Ngọc   | Thanh  | Nữ        | 11A14  | 12A10   |         |
| 30  | Nguyễn Thanh        | Thảo   | Nữ        | 11A4   | 12A10   |         |
| 31  | Nguyễn Anh          | Thư    | Nữ        | 11A5   | 12A10   |         |
|     |                     |        |           |        | 12A10   |         |
|     |                     |        |           |        | 12A10   |         |
| 34  | Lê Tấn              | Toàn   | Nam       | 11A1   | 12A10   |         |
| 35  | Nguyễn Thái Bảo     | Trâm   | Nữ        | 11A8   | 12A10   |         |
| 36  | Nguyễn Minh         | Triết  | Nam       | 11A7   | 12A10   |         |
| 37  | Hoàng Trần          | Tuấn   | Nam       | 11A2   | 12A10   |         |
| 38  | Nguyễn Anh          | Tuấn   | Nam       | 11A10  | 12A10   |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú    |
|-----|-------------------|--------|-----------|--------|---------|------------|
| 39  | Nguyễn Trần Khánh | Vân    | Nữ        | 11A10  | 12A10   |            |
| 40  | Vũ Quang          | Vĩnh   | Nam       | 11A11  | 12A10   |            |
| 41  | Thân Nguyễn Thanh | Xuân   | Nữ        | 11A14  | 12A10   |            |
| 1   | Nguyễn Thụy Thúy  | An     | Nữ        | 11A4   | 12A11   |            |
| 2   | Huỳnh Kỳ          | Anh    | Nam       | 11A3   | 12A11   |            |
| 3   | Lê Ngọc Mỹ        | Anh    | Nữ        | 11A5   | 12A11   |            |
| 4   | Nguyễn Phạm Duy   | Anh    | Nam       | 11A5   | 12A11   |            |
| 5   | Nguyễn Ngọc       | Ánh    | Nữ        | 11A9   | 12A11   |            |
| 6   | Trần Tiến         | Đạt    | Nam       | 11A9   | 12A11   |            |
| 7   | Ngô Thụy Nhật     | Dương  | Nữ        | 11A12  | 12A11   |            |
| 8   | Phạm Kiều         | Hân    | Nữ        | 11A7   | 12A11   |            |
| 9   | Trần Ngọc Thảo    | Hân    | Nữ        | 11A11  | 12A11   |            |
| 10  | Bùi Công          | Hậu    | Nam       | 11A2   | 12A11   |            |
| 11  | Vũ Minh           | Hòa    | Nam       | 11A11  | 12A11   |            |
| 12  | Nguyễn Hoàng Nhật | Khang  | Nam       | 11A7   | 12A11   |            |
| 13  | Nguyễn Dương Minh | Khoa   | Nam       | 11A5   | 12A11   |            |
| 14  | Trần Đăng         | Khoa   | Nam       | 11A1   | 12A11   |            |
| 15  | Bùi Cao           | Lương  | Nam       | 11A3   | 12A11   |            |
| 16  | Nguyễn Quốc Gia   | Minh   | Nam       | 11A5   | 12A11   |            |
| 17  | Hồ Gia            | My     | Nữ        | 11A4   | 12A11   |            |
| 18  | Lê Nguyễn Kiều    | My     | Nữ        | CĐ     | 12A11   |            |
| 19  | Phạm Thành        | Nam    | Nam       | 11A3   | 12A11   |            |
| 20  | Triệu Thảo        | Ngân   | Nữ        | 11A9   | 12A11   |            |
| 21  | Ngô Trọng         | Nghĩa  | Nam       | 11A9   | 12A11   |            |
| 22  | Nguyễn Minh       | Nghĩa  | Nam       | 11A10  | 12A11   | 13/09/2002 |
| 23  | Nguyễn Thanh      | Phú    | Nam       | 11A2   | 12A11   |            |
| 24  | Huỳnh Nguyễn Bích | Phượng | Nữ        | 11A4   | 12A11   |            |
| 25  | Trần Vinh         | Quang  | Nam       | 11A10  | 12A11   |            |
| 26  | Tạ Khánh          | Quỳnh  | Nữ        | 11A3   | 12A11   |            |
| 27  | Trần Thị Ngọc     | Sang   | Nữ        | 11A2   | 12A11   |            |
| 28  | Trần Thị Ánh      | Sương  | Nữ        | 11A2   | 12A11   |            |
| 29  | Nguyễn Quốc       | Thái   | Nam       | 11A11  | 12A11   |            |
| 30  | Dư Dương Thiên    | Thanh  | Nữ        | 11A6   | 12A11   |            |
| 31  | Trương Thanh      | Thảo   | Nữ        | 11A7   | 12A11   |            |
| 32  | Nguyễn Tiến       | Thịnh  | Nam       | 11A11  | 12A11   |            |

| STT | HỌ VÀ TÊN            |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 33  | Trương Cẩm           | Thư    | Nữ        | 11A10  | 12A11   |         |
| 34  | Võ Thị Minh          | Thùy   | Nữ        | 11A10  | 12A11   |         |
| 35  | Trần Thuỳ            | Trang  | Nữ        | 11A4   | 12A11   |         |
| 36  | Phạm Thành           | Trung  | Nam       | 11A3   | 12A11   |         |
| 37  | Vũ Ngọc Thanh        | Tú     | Nữ        | 11A11  | 12A11   |         |
| 38  | Nguyễn Anh           | Tuấn   | Nam       | 11A3   | 12A11   |         |
| 39  | Nguyễn Nữ            | Việt   | Nữ        | 11A3   | 12A11   |         |
| 40  | Trần Quang           | Vinh   | Nam       | 11A1   | 12A11   |         |
| 41  | Nguyễn Hoàng Khả     | Vy     | Nữ        | 11A6   | 12A11   |         |
| 1   | Lê Đức               | An     | Nam       | 11A9   | 12A12   |         |
| 2   | Nguyễn Ngọc Thiên    | Ân     | Nữ        | 11A11  | 12A12   |         |
| 3   | Cao Hoàng Minh       | Anh    | Nữ        | 11A4   | 12A12   |         |
| 4   | Tôn Nữ Kim           | Ánh    | Nữ        | 11A7   | 12A12   |         |
| 5   | Nguyễn Hoàng Gia     | Bảo    | Nam       | 11A4   | 12A12   |         |
| 6   | Lý Bốn               | Chánh  | Nam       | 11A6   | 12A12   |         |
| 7   | Nguyễn Khánh         | Duy    | Nam       | 11A5   | 12A12   |         |
| 8   | Huỳnh Thị Diệu       | Hiền   | Nữ        | 11A4   | 12A12   |         |
| 9   | Nguyễn Thị Thúy      | Hiền   | Nữ        | 11A1   | 12A12   |         |
| 10  | Vũ Minh              | Hoàng  | Nam       | 11A11  | 12A12   |         |
| 11  | Nguyễn Sĩ Quốc       | Huy    | Nam       | 11A9   | 12A12   |         |
| 12  | Đoàn Minh            | Khoa   | Nam       | 11A7   | 12A12   |         |
| 13  | Nguyễn               | Khoa   | Nam       | 11A2   | 12A12   |         |
| 14  | Nguyễn Hoàng Anh     | Khôi   | Nam       | 11A5   | 12A12   |         |
| 15  | Lê Hồng Anh          | Kiệt   | Nam       | 11A5   | 12A12   |         |
| 16  | Trần Ngọc Thùy       | Linh   | Nữ        | 11A14  | 12A12   |         |
| 17  | Đồng Nguyễn Thị Ngọc | Mỹ     | Nữ        | 11A11  | 12A12   |         |
| 18  | Dương Thanh          | Ngân   | Nữ        | 11A9   | 12A12   |         |
| 19  | Trần Thị Kim         | Ngân   | Nữ        | 11A7   | 12A12   |         |
|     |                      |        |           |        | 12A12   |         |
| 21  | Nguyễn Vũ Bảo        | Ngọc   | Nữ        | 11A8   | 12A12   |         |
| 22  | Nguyễn Khôi          | Nguyên | Nam       | 11A1   | 12A12   |         |
| 23  | Huỳnh Phạm Ý         | Nhi    | Nữ        | 11A12  | 12A12   |         |
| 24  | Phạm Phương          | Nhi    | Nữ        | 11A4   | 12A12   |         |
| 25  | Quách Lê Hoàng       | Nhi    | Nữ        | 11A7   | 12A12   |         |
| 26  | Đỗ Võ Quỳnh          | Như    | Nữ        | 11A4   | 12A12   |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN          |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 27  | Lê Thị Ái          | Phương | Nữ        | 11A5   | 12A12   |         |
| 28  | Trần Minh          | Quân   | Nam       | 11A7   | 12A12   |         |
| 29  | Nguyễn Thùy Ngọc   | Quý    | Nữ        | 11A3   | 12A12   |         |
| 30  | Huỳnh Nguyễn Như   | Quỳnh  | Nữ        | 11A3   | 12A12   |         |
| 31  | Nguyễn Ngọc Phương | Quỳnh  | Nữ        | 11A10  | 12A12   |         |
| 32  | Lê Phú             | Tài    | Nam       | 11A12  | 12A12   |         |
| 33  | Đỗ Cáp Xuân        | Thành  | Nam       | 11A8   | 12A12   |         |
| 34  | Phạm Ngọc Hưng     | Thịnh  | Nam       | 11A7   | 12A12   |         |
| 35  | Trần Viết          | Thịnh  | Nam       | 11A4   | 12A12   |         |
| 36  | Nguyễn Thanh       | Thương | Nữ        | 11A7   | 12A12   |         |
| 37  | Nguyễn Hoàng Anh   | Thy    | Nữ        | 11A2   | 12A12   |         |
| 38  | Trần Quỳnh         | Trang  | Nữ        | 11A5   | 12A12   |         |
| 39  | Nguyễn Ngọc Khả    | Tú     | Nữ        | 11A10  | 12A12   |         |
| 40  | Nguyễn Thị Thanh   | Tú     | Nữ        | 11A8   | 12A12   |         |
| 41  | Châu Nam           | Tuấn   | Nam       | 11A11  | 12A12   |         |
| 42  | Lê Văn             | Tý     | Nam       | 11A10  | 12A12   |         |
| 1   | Lê Quốc            | Anh    | Nam       | 11A4   | 12A13   |         |
| 2   | Lý Công Tiến       | Anh    | Nam       | 11A6   | 12A13   |         |
| 3   | Trần Lê Quỳnh      | Anh    | Nữ        | 11A6   | 12A13   |         |
| 4   | Vũ Châu            | Anh    | Nữ        | 11A2   | 12A13   |         |
| 5   | Nguyễn Ngọc        | Anns   | Nữ        | 11A2   | 12A13   |         |
| 6   | Lê Viết            | Bá     | Nam       | 11A3   | 12A13   |         |
| 7   | Trần Nguyên        | Bảo    | Nam       | 11A8   | 12A13   |         |
| 8   | Lê Thị Kim         | Chi    | Nữ        | 11A9   | 12A13   |         |
| 9   | Lê Thị Ngọc        | Diễm   | Nữ        | 11A2   | 12A13   |         |
| 10  | Nguyễn Minh        | Duy    | Nam       | 11A10  | 12A13   |         |
| 11  | Lê Thị Ngọc        | Duyên  | Nữ        | 11A7   | 12A13   |         |
| 12  | Nguyễn Ngân        | Hà     | Nữ        | 11A3   | 12A13   |         |
| 13  | Nguyễn Thị Ánh     | Hồng   | Nữ        | 11A1   | 12A13   |         |
| 14  | Lê Thanh           | Hùng   | Nam       | 11A10  | 12A13   |         |
| 15  | Huỳnh Quốc         | Huy    | Nam       | 11A6   | 12A13   |         |
| 16  | Lê Thái Bảo        | Huy    | Nam       | 11A3   | 12A13   |         |
| 17  | Nguyễn Ngọc        | Khánh  | Nữ        | 11A12  | 12A13   |         |
| 18  | Trần Tôn Đăng      | Khoa   | Nam       | 11A6   | 12A13   |         |
| 19  | Nguyễn Hồ Tuấn     | Kiệt   | Nam       | 11A1   | 12A13   |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN        |       | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú    |
|-----|------------------|-------|-----------|--------|---------|------------|
| 20  | Nguyễn Thị Lam   | Linh  | Nữ        | 11A1   | 12A13   |            |
| 21  | Ngô Lê Trúc      | Mai   | Nữ        | 11A3   | 12A13   |            |
|     |                  |       |           |        | 12A13   |            |
| 23  | Nguyễn Hoàng     | My    | Nữ        | 11A4   | 12A13   |            |
| 24  | Nguyễn Thị Thanh | Ngân  | Nữ        | 11A10  | 12A13   |            |
| 25  | Nguyễn Minh      | Nghĩa | Nam       | 11A10  | 12A13   | 02/10/2002 |
| 26  | Nguyễn Hoàng     | Nhân  | Nam       | 11A7   | 12A13   |            |
| 27  | Huỳnh Đông       | Quân  | Nam       | 11A4   | 12A13   |            |
| 28  | Nguyễn Khắc      | Qui   | Nam       | 11A1   | 12A13   |            |
| 29  | Kiên Đặng Mỹ     | Quỳnh | Nữ        | 11A2   | 12A13   |            |
| 30  | Nguyễn Ngọc Trúc | Quỳnh | Nữ        | 11A3   | 12A13   |            |
| 31  | Lã Minh          | Tài   | Nam       | 11A4   | 12A13   |            |
| 32  | Trần Đỗ Hồng     | Tâm   | Nữ        | 11A1   | 12A13   |            |
| 33  | Tạ Minh          | Tân   | Nam       | 11A1   | 12A13   |            |
| 34  | Đỗ Nguyễn Minh   | Thy   | Nữ        | 11A7   | 12A13   |            |
| 35  | Lê Quang         | Trung | Nam       | 11A7   | 12A13   |            |
| 36  | Nguyễn Đặng Anh  | Tú    | Nam       | 11A2   | 12A13   |            |
| 37  | Lưu Đức          | Tuấn  | Nam       | 11A11  | 12A13   |            |
| 38  | Đàm Hoài Phương  | Uyên  | Nữ        | 11A1   | 12A13   |            |
| 39  | Hồ Mỹ            | Vân   | Nữ        | 11A2   | 12A13   |            |
| 40  | Nguyễn Phan Nhật | Vy    | Nữ        | 11A6   | 12A13   |            |
| 1   | Trần Hoàng Minh  | An    | Nữ        | 11A3   | 12A14   |            |
| 2   | Phạm Thị Tú      | Anh   | Nữ        | 11A3   | 12A14   |            |
| 3   | Tạ Duệ Trí Minh  | Anh   | Nam       | 11A6   | 12A14   |            |
| 4   | Võ Huỳnh Minh    | Châu  | Nữ        | 11A12  | 12A14   |            |
| 5   | Nguyễn Văn       | Chung | Nam       | 11A4   | 12A14   |            |
| 6   | Nguyễn Bá Tiến   | Đạt   | Nam       | 11A8   | 12A14   |            |
| 7   | Phạm Thị Ngọc    | Hân   | Nữ        | 11A2   | 12A14   |            |
|     |                  |       |           |        | 12A14   |            |
| 9   | Bùi              | Lâm   | Nam       | 11A7   | 12A14   |            |
| 10  | Đặng Thị Tuyết   | Lan   | Nữ        | 11A14  | 12A14   |            |
| 11  | Nguyễn Thị Nhật  | Lệ    | Nữ        | 11A1   | 12A14   |            |
| 12  | Tạ Ngọc          | Linh  | Nam       | 11A5   | 12A14   |            |
| 13  | Vũ Nguyễn Hoàng  | Long  | Nam       | 11A3   | 12A14   |            |
| 14  | Nguyễn Lê        | Minh  | Nam       | 11A2   | 12A14   |            |

| STT | HỌ VÀ TÊN          |        | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------|-----------|--------|---------|---------|
| 15  | Trịnh Đức          | Minh   | Nam       | 11A10  | 12A14   |         |
| 16  | Từ Thanh Yến       | Nhi    | Nữ        | 11A5   | 12A14   |         |
| 17  | Đỗ Trường          | Phát   | Nam       | 11A4   | 12A14   |         |
| 18  | Lê Thị Hồng        | Phúc   | Nữ        | 11A4   | 12A14   |         |
| 19  | Nguyễn Hoàng Thiên | Phúc   | Nam       | 11A2   | 12A14   |         |
| 20  | Phạm Hoàng         | Phương | Nam       | 11A5   | 12A14   |         |
| 21  | Kiên Ngọc Như      | Quỳnh  | Nữ        | 11A1   | 12A14   |         |
| 22  | La Gia             | Quỳnh  | Nữ        | 11A4   | 12A14   |         |
| 23  | Trần Thị Như       | Quỳnh  | Nữ        | 11A1   | 12A14   |         |
| 24  | Nguyễn Phạm Phương | Thảo   | Nữ        | 11A1   | 12A14   |         |
| 25  | Nguyễn Thanh       | Thảo   | Nữ        | 11A3   | 12A14   |         |
| 26  | Lê Đức             | Thịnh  | Nam       | 11A11  | 12A14   |         |
| 27  | Nguyễn Hoàng Anh   | Thư    | Nữ        | 11A9   | 12A14   |         |
| 28  | Nguyễn Thị Thanh   | Thúy   | Nữ        | 11A3   | 12A14   |         |
| 29  | Nguyễn Cao Ngọc    | Thùy   | Nữ        | 11A4   | 12A14   |         |
| 30  | Đoàn Hồng          | Trâm   | Nữ        | 11A2   | 12A14   |         |
| 31  | Ngô Thị Phương     | Trang  | Nữ        | 11A5   | 12A14   |         |
| 32  | Đỗ Thanh           | Triều  | Nam       | 11A7   | 12A14   |         |
| 33  | Nguyễn Thành       | Trung  | Nam       | 11A4   | 12A14   |         |
| 34  | Cao Khánh          | Tuân   | Nam       | 11A10  | 12A14   |         |
| 35  | Lê Nguyễn Anh      | Tuấn   | Nam       | 11A8   | 12A14   |         |
| 36  | Phạm Minh          | Tuấn   | Nam       | 11A7   | 12A14   |         |
| 37  | Võ Trần Anh        | Tuấn   | Nam       | 11A5   | 12A14   |         |
| 38  | Trần Lê Diễm       | Tuyết  | Nữ        | 11A2   | 12A14   |         |
| 39  | Trần Quốc          | Vinh   | Nam       | 11A11  | 12A14   |         |
| 40  | Lê Nguyễn Phương   | Vy     | Nữ        | 11A9   | 12A14   |         |
| 41  | Hà Như             | Yến    | Nữ        | 11A6   | 12A14   |         |
|     |                    |        |           |        | 12A15   |         |
| 2   | Lê Thị Trâm        | Anh    | Nữ        | 11A7   | 12A15   |         |
| 3   | Nguyễn Ngọc Mỹ     | Anh    | Nữ        | 11A11  | 12A15   |         |
| 4   | Nguyễn Thị Lan     | Anh    | Nữ        | 11A8   | 12A15   |         |
| 5   | Đặng Hải           | Bình   | Nam       | 11A12  | 12A15   |         |
| 6   | Trần Hòa           | Bình   | Nam       | 11A6   | 12A15   |         |
| 7   | Nguyễn Thiện       | Đạo    | Nam       | 11A11  | 12A15   |         |
| 8   | Hồ Thiên           | Dung   | Nữ        | 11A3   | 12A15   |         |

| STT | HỌ VÀ TÊN        |               | GIỚI TÍNH | LỚP CŨ | LỚP MỚI      | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------|-----------|--------|--------------|---------|
|     |                  |               |           |        | <b>12A15</b> |         |
| 10  | Dương Nhật       | <b>Hào</b>    | Nam       | 11A9   | <b>12A15</b> |         |
| 11  | Ngô Quốc         | <b>Hậu</b>    | Nam       | 11A7   | <b>12A15</b> |         |
| 12  | Trương Phúc      | <b>Hậu</b>    | Nam       | 11A8   | <b>12A15</b> |         |
| 13  | Nguyễn Công      | <b>Hiếu</b>   | Nam       | 11A2   | <b>12A15</b> |         |
| 14  | Lê Bảo           | <b>Hoàng</b>  | Nam       | 11A2   | <b>12A15</b> |         |
| 15  | Trần Nguyễn Huy  | <b>Hoàng</b>  | Nam       | 11A3   | <b>12A15</b> |         |
| 16  | Nguyễn Thị Kim   | <b>Hồng</b>   | Nữ        | 11A7   | <b>12A15</b> |         |
| 17  | Đinh Minh        | <b>Huy</b>    | Nam       | 11A8   | <b>12A15</b> |         |
| 18  | Trần Thị Minh    | <b>Huyền</b>  | Nữ        | 11A2   | <b>12A15</b> |         |
| 19  | Nguyễn Đăng      | <b>Khoa</b>   | Nam       | 11A1   | <b>12A15</b> |         |
| 20  | Võ Trác          | <b>Luân</b>   | Nam       | 11A6   | <b>12A15</b> |         |
| 21  | Nguyễn Tấn       | <b>Lực</b>    | Nam       | 11A2   | <b>12A15</b> |         |
| 22  | Nguyễn Tuyết     | <b>Ngân</b>   | Nữ        | 11A1   | <b>12A15</b> |         |
| 23  | Nguyễn Ngọc Xuân | <b>Nghi</b>   | Nữ        | 11A11  | <b>12A15</b> |         |
| 24  | Trương Trọng     | <b>Nghĩa</b>  | Nam       | 11A6   | <b>12A15</b> |         |
| 25  | Đào Bích         | <b>Ngọc</b>   | Nữ        | 11A3   | <b>12A15</b> |         |
| 26  | Nguyễn Hồng      | <b>Ngọc</b>   | Nữ        | 11A6   | <b>12A15</b> |         |
| 27  | Trần Nguyễn Hạnh | <b>Nguyên</b> | Nữ        | 11A9   | <b>12A15</b> |         |
|     |                  |               |           |        | <b>12A15</b> |         |
| 29  | Trần Thiên       | <b>Phú</b>    | Nam       | 11A8   | <b>12A15</b> |         |
| 30  | Trần Nguyễn Công | <b>Tâm</b>    | Nam       | 11A11  | <b>12A15</b> |         |
| 31  | Phạm Ngọc        | <b>Thạch</b>  | Nam       | 11A6   | <b>12A15</b> |         |
| 32  | Lâm Trần Giang   | <b>Thanh</b>  | Nữ        | 11A6   | <b>12A15</b> |         |
| 33  | Phạm Thị Thanh   | <b>Thanh</b>  | Nữ        | 11A4   | <b>12A15</b> |         |
|     |                  |               |           |        | <b>12A15</b> |         |
| 35  | Lê Đặng Quỳnh    | <b>Trâm</b>   | Nữ        | 11A14  | <b>12A15</b> |         |
| 36  | Trần Nguyễn Bảo  | <b>Trâm</b>   | Nữ        | 11A7   | <b>12A15</b> |         |
| 37  | Đào Kim          | <b>Trang</b>  | Nữ        | 11A7   | <b>12A15</b> |         |
| 38  | Nguyễn Anh       | <b>Tú</b>     | Nam       | 11A1   | <b>12A15</b> |         |
| 39  | Chí Ngọc Kim     | <b>Vy</b>     | Nữ        | 11A14  | <b>12A15</b> |         |
| 40  | Tôn Hạnh         | <b>Vy</b>     | Nữ        | 11A6   | <b>12A15</b> |         |